

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ - PT
Ngày 06 tháng 9 năm 2017
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hùng**
- *Các Thẩm phán:* Bà **Lưu Hồ Loan**
Ông **Nguyễn Xuân Thủy**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lương Hữu San** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Ngô Thị Vỹ** - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TQ mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2017/TLPT - HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 116/2017/HNGĐ - ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh TQ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐ-PT, ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Việt H**, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Xóm Sau, xã P, huyện S, thành phố HN. *(Có đơn xin xử vắng mặt)*.
2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Kim O** (Đặng Thị Kim O), sinh năm 1964.
Địa chỉ: Ngõ 193, tổ 9, phường Hưng Thành, thành phố TQ, tỉnh TQ.
3. *Người kháng cáo:* Bà **Đặng Kim O** (Đặng Thị Kim O) là bị đơn trong vụ án. *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Việt H trình bày:

Ông và bà Đặng Kim O kết hôn với nhau từ năm 1988 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thành, thị xã TQ (nay là phường Hưng Thành, thành phố TQ) vào ngày 24/02/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống tại phường Tân Quang, thành phố TQ. Đến năm 1996 hai vợ chồng ông chuyển về xã P, huyện S, thành phố HN sinh sống. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà O làm ăn thua lỗ, nợ nần và ham mê cờ bạc lô đề nên đã phải bán hết tài sản, nhà cửa và trốn nợ xuống HN. Nhưng bà O vẫn không chịu thay đổi tính nết, tiếp tục chơi cờ bạc lô đề dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2014, bà O về TQ sau đó chuyển hộ khẩu về TQ vào tháng 10/2015 và vợ chồng ông sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện ông xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã trầm trọng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà O.

Về con chung: Ông và bà O có 02 con chung là cháu Trịnh Việt Hà, sinh năm 1988 và cháu Trịnh Lan Hương, sinh năm 1995. Hiện tại cả hai con đều đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà O đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Ông và bà O không vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Kim O trình bày:

Việc vợ chồng bà kết hôn như ông H đã trình bày là đúng. Năm 1996, vợ chồng bà chuyển về sinh sống tại xã Phủ Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố HN. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không đánh chửi nhau, mặc dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng tự giải quyết được. Ông H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà làm ăn thua lỗ và chơi lô đề cờ bạc là không đúng, mà chủ yếu là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn bà, còn việc bà làm ăn thua lỗ bà đã khắc phục trả nợ xong. Đầu năm 2014, con gái thứ hai của bà đi du học tại Nhật Bản phải lo kinh tế nên bà phải cắt khẩu cùng con trai chuyển về TQ để sinh sống và làm ăn còn ông H sống một mình tại HN. Trong thời gian sống xa nhau bà vẫn quan tâm chăm sóc đến ông H, vẫn điện thoại liên lạc, có lúc vẫn về thăm hỏi nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông H vẫn còn, hơn nữa con gái bà chưa xây dựng gia đình, bà muốn các con có đủ cả bố mẹ khi kết hôn nên chỉ chấp nhận sống ly thân chứ không đồng ý ly hôn với ông H, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Trịnh Việt Hà, sinh năm 1988 và cháu Trịnh Lan Hương, sinh năm 1995. Hiện tại cả hai con đều đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án lấy lời khai, hòa giải bà và ông H đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà có đưa ra yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô nhãn hiệu LEAD do ông bà mua vào đầu năm 2016 đứng tên con trai là Trịnh Việt Hà, đến tháng 3/2017 con trai bà và ông H đã làm thủ tục đăng ký mang tên của ông H. Bà xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng bà, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe đó. Về vay nợ chung, bà xác định vợ chồng có vay của bà Trần Thị Kim Cương (Mẹ đẻ) số tiền 70.000.000 đồng để cho con gái đi du học tại Nhật Bản, nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay nợ cho mẹ đẻ của bà là 35.000.000 đồng.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố TQ thụ lý, điều tra, hòa giải nhưng không thành và đưa ra xét xử. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 116/2017/HNGĐ – ST, ngày 30/6/2017 Tòa án nhân dân thành phố TQ đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án: Xử cho ông Trịnh Việt H và bà Đặng Kim O (tức Đặng Thị Kim O) ly hôn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2017 bị đơn bà Đặng Kim O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Bà O không nhất trí ly hôn với ông H, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H thì bà yêu cầu Tòa án phải xem xét giải quyết việc tranh chấp tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu LEAD hiện tại ông H đang sử dụng và khoản tiền 70.000.000đ mà bà vay của mẹ đẻ là bà Trần Thị Kim Cương để đóng học phí cho con đi du học trong cùng một vụ án để đảm bảo quyền lợi cho bà. Bà không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm tách phần chia tài sản và vay nợ giữa bà và ông H để giải quyết trong một vụ án khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Đặng Kim O vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Kim O là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Ông Trịnh Việt H và bà Đặng Kim O kết hôn với nhau từ năm 1988 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai người sống ly thân từ đầu năm 2015. Ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ông H và bà O ly hôn với nhau là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/5/2017, bà O đề nghị giải quyết số tiền nợ 70.000.000 đồng mà bà O vay của mẹ đẻ là Trần Thị Kim Cương để cho con đi du

học, khoản tiền này bà yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả 35.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa để hướng dẫn bà Trần Thị Kim Cương thực hiện thủ tục đối với yêu cầu độc lập theo quy định, nhưng bà Cương không thực hiện nên không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/6/2017, bà O lại đưa ra yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu LEAD biển kiểm soát 29S6 – 566.76 đăng ký tên ông Trịnh Việt H và do ông H đang quản lý, sử dụng. Nhưng qua xem xét, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà O và ông H đều xác định trong thời gian chung sống không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy LEAD biển kiểm soát 29S6 – 566.76 và yêu cầu giải quyết số tiền vay nợ 70.000.000đ để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và không làm mất đi quyền lợi của các đương sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Kim O, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị O:

Bị đơn bà Đặng Kim O kháng cáo không nhất trí ly hôn với ông H mà chỉ chấp nhận sống ly thân vì cho rằng tình cảm vợ chồng với ông H vẫn còn, mặc dù vợ chồng sống xa cách nhưng bà vẫn quan tâm chăm sóc đến ông H, vẫn gọi điện thoại liên lạc, vẫn về thăm hỏi nhau. Tuy nhiên, qua xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bà Trần Thị Kim Cương là mẹ đẻ của bà O và là người đang sống trực tiếp cùng bà O (Bút lục số 66) và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Thành (Bút lục số 34) thể hiện: *Từ khi bà O chuyển về TQ sinh sống vào năm 2015, ông H và bà O không hề có sự đi lại hỏi han hay quan tâm chăm sóc gì đến nhau, ông H cũng không hề lên TQ thăm bà O.* Tại lời khai của bà O trong quá trình tự khai, hòa giải và tại phiên tòa bà O cũng thừa nhận bà có nhắn tin chửi ông H đi quan hệ với người phụ nữ khác. Kết quả xác minh của cấp sơ thẩm và các lời khai của bà O tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với ý kiến mà ông H đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà O đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được và thực tế hai người đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung của hai vợ chồng đến nay không tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho ông H được ly hôn với bà O là phù hợp, đúng quy định.

Về nội dung bà O kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu LEAD biển kiểm soát 29S6 – 566.76 do ông H đang sử dụng và khoản tiền vay 70.000.000 đồng của bà Trần Thị Kim Cương. Hội đồng xét xử thấy

rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai của bà O (Bút lục 21) và ông H (Bút lục 22) các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không vay nợ của ai. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (Bút lục 24 -26) các đương sự vẫn xác định không có tài sản chung, không vay nợ của ai. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/5/2017, bà O tiếp tục xác định, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nhưng có yêu cầu giải quyết về phần tiền vay nợ 70.000.000 đồng của mẹ đẻ là Trần Thị Kim Cương. Tòa án cấp sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để hướng dẫn và yêu cầu bà Trần Thị Kim Cương làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với khoản tiền cho vay của mình, nhưng bà Cương đã không thực hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét, giải quyết trong cùng vụ án. Ngoài ra, đây cũng là yêu cầu phát sinh sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và là nội dung vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu của bị đơn nên không có cơ sở để xem xét tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 200, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu giải quyết về tài sản và tiền vay nợ ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời các yêu cầu về chia tài sản và phần tiền vay nợ do bà O đề nghị chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, nên kháng cáo của bà O về nội dung này không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đặng Kim O, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tại phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Đặng Kim O phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 28, Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đặng Kim O (tức Đặng Thị Kim O), giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 116/2017/HNGĐ – ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, như sau:

Xử cho ông Trịnh Việt H được ly hôn với bà Đặng Kim O (Đặng Thị Kim O).

2. Về án phí: Bà Đặng Kim O (Đặng Thị Kim O) phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0003274, ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ, tỉnh TQ. Bà Đặng Kim O (Đặng Thị Kim O) đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/9/2017)

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Hồ Loan

Nguyễn Xuân Thủy

Nguyễn Minh Hùng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh TQ;
- TAND thành phố TQ;
- Chi cục THADS TP TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh H

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh TQ;
- TAND thành phố TQ;
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh H

Bị đơn bà Đặng Kim O kháng cáo không nhất trí ly hôn với ông H mà chỉ chấp nhận sống ly thân vì cho rằng tình cảm vợ chồng với ông H vẫn còn, mặc dù vợ chồng sống xa cách nhưng bà vẫn quan tâm chăm sóc đến ông H, vẫn gọi điện thoại liên lạc và về nhà thăm hỏi nhau. Tuy nhiên, qua xác minh của cấp sơ thẩm đối với bà Trần Thị Kim Cương là mẹ đẻ và là người đang sống trực tiếp với bà O (Bút lục số 66 – HSVA) thể hiện: Từ khi bà O chuyển về TQ sinh sống vào năm 2015, ông H và bà O không hề có sự đi lại hỏi han hay quan tâm chăm sóc gì đến nhau, bà thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà O không còn. Kết quả xác minh của cấp sơ thẩm hoàn toàn phù hợp với ý kiến mà ông H đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà O đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho ông H được ly hôn với bà O là hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà O đề nghị HĐXX chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu LEAD biển kiểm soát 29S6 – 566.76 do ông H đang quản lý. Do đây là yêu cầu phát sinh sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu của bị đơn nên không có cơ sở để xem xét tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 200, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với khoản tiền nợ 70.000.000đ tại phiên tòa sơ thẩm bà O khai vay của mẹ đẻ là bà Trần Thị Kim Cương. Tòa án cấp sơ thẩm đã hướng dẫn và yêu cầu bà Trần Thị Kim Cương làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với khoản tiền cho vay của mình tuy nhiên bà Cương đã không thực hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách các yêu cầu trên để giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu và thực hiện đầy đủ thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà O, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Đặng Kim O phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 28, Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Kim O, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 116/2017/HNGĐ – ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ như sau: Xử cho ông Trịnh Việt H được ly hôn với bà Đặng Kim O (Đặng Thị Kim O).

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Kim O (Đặng Thị Kim O) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003274, ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ, tỉnh TQ. Bà Đặng Kim O đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/8/2017).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh TQ;
- TAND thành phố TQ;
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh H